



ISO 9001:2008

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÂN LẬP HẢI PHÒNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC

Trung văn 2

Mã môn:

Dùng cho các ngành

Ngoại ngữ

Khoa phụ trách

KHOA NGOẠI NGỮ

**THÔNG TIN VỀ CÁC GIẢNG VIÊN
CÓ THỂ THAM GIA GIẢNG DẠY MÔN HỌC**

1. **Th.s Lê Đức Thành** – Giảng viên cơ hữu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Thuộc bộ môn: Ngoại ngữ
 - Địa chỉ liên hệ: Số 281 Lán Bè - Lê Chân - HP
 - Điện thoại: 0913.353.323 Email: thanhld@hpu.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính:
2. **Th.s Hồ Thị Thu Trang** – Giảng viên cơ hữu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
 - Thuộc bộ môn: Ngoại ngữ
 - Địa chỉ liên hệ: 1/83 Phan Đăng Lưu - Kiến An - HP
 - Điện thoại: 0912.067.678 Email: tranghtt@hpu.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính:
3. **CN Lê Thị Thu Hoài** – Giảng viên cơ hữu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
 - Thuộc bộ môn: Ngoại ngữ
 - Địa chỉ liên hệ: 79/165 Đà Nẵng - Ngô Quyền - HP
 - Điện thoại: 0912.295.263 Email: hoailtt@hpu.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính:
4. **CN Đinh Thị Thanh Bình** – Giảng viên cơ hữu
 - Chức danh, học hàm, học vị: Cử nhân
 - Thuộc bộ môn: Ngoại ngữ
 - Địa chỉ liên hệ: 35/40 Lạch Tray - Ngô Quyền - HP
 - Điện thoại: 0903.496.722 Email: binhdt@hpu.edu.vn
 - Các hướng nghiên cứu chính:

THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

1. Thông tin chung:

- Số đơn vị học trình/ tín chỉ: 75 tiết
- Các môn học tiên quyết: Trung văn cơ sở 1
- Các môn học kế tiếp: Trung văn cơ sở 3
- Các yêu cầu đối với môn học (nếu có): không
- Thời gian phân bổ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 37
 - + Làm bài tập trên lớp: 30
 - + Thảo luận: 05
 - + Kiểm tra: 03

2. Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể nghe hiểu được những bài kể đơn giản với tốc độ chậm, có thể đối đáp với các câu hỏi đơn giản, đọc hiểu và làm bài tập theo yêu cầu về những bài đọc có nội dung đơn giản, ngắn gọn, nắm bắt được đại ý của một đoạn văn ngắn, biết sử dụng từ điển Trung – Việt và viết được một đoạn văn ngắn về các chủ đề đã học(khoảng 150 đến 200 từ.

Các mục tiêu cụ thể:

+ Hoàn thiện phát âm và ngữ điệu thông qua việc đọc bài, trả lời câu hỏi hoặc hội thoại theo cặp, theo nhóm trước lớp.

+ Làm các dạng bài tập trong giáo trình, bài tập bổ sung và viết được đoạn văn ngắn về các chủ đề sở thích, đi mua sắm, hoạt động của một ngày, trường, lớp v.v.

3. Tóm tắt nội dung môn học:

Môn Trung văn 2 gồm 11 bài, từ bài 13 đến bài 23. Đây là môn học nối tiếp và có nội dung tương tự như môn học Trung văn 1. Bài khóa chủ yếu xuất hiện những câu đơn giản thường dùng trong sinh hoạt, học tập. Ngữ pháp trong mỗi bài thường gồm 1 vài trọng điểm ngữ pháp và một số hiện tượng thường gặp. Phần bài tập bám sát nội dung kiến thức và kỹ năng từng bài.

4. Học liệu:

- Sách, giáo trình chính:

《汉语教程》（修订本）第一册（上、下），对外汉语本科系列教材，北京语言大学出版社，2008年。

- Sách tham khảo:

(1) Sổ tay người học tiếng Hoa. NXB Khoa học xã hội (1998) Trương Văn Giới

(2) Bài tập tiếng Trung Quốc cơ sở, tập I. NXB ĐHQG Hà Nội(2009).

(3) 《快乐汉语》，人民教育出版社，2006年。

(4) Nguyễn Thiện Chí, Nguyễn Thị Thu Hằng, Bùi Thị Hạnh Quyên (2003), Tài liệu luyện thi nói và làm văn chứng chỉ A, B, C tiếng Hoa, NXB Trẻ

(5) Nguyễn Hữu Trí(2003), Thực hành ngữ pháp tiếng Hán hiện đại, NXB Đà Nẵng

5. Nội dung và hình thức dạy – học:

Nội dung (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy – học						Tổng (tiết)
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	TH, TN, điền đó	Tự học, tự NC	Kiểm tra	
第十三课	3	3					6
第十四课	3	3					6
第十五课	3	3				1 (tổng hợp)	6
第十六课	3	2	1				6
第十七课	3	3					7
第十八课	3	2	1				7
第十九课	3	3				1 (tổng hợp)	6
第二十课	3	3	1				6
第二十一课	3	3					6
第二十二课	3	2	1				6
第二十三课	4	3	1			1 (tổng hợp)	6
Tổng (tiết)	37	30	05			03	75

6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể:

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy – học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước	Ghi chú
1	第十三课 这是不是中药	一、生词 二、语法：形容词谓语句、正反问句、“的”字词组	预习生词、语法	
2	第十四课 你的车是新的还是旧的	一、生词 二、语法：选择问句、省略问句 三、课文 四、练习	复习第十三课 预习生词、语法、课文	
3	第十五课 你们公司有多少职员	一、生词 二、语法：“有”字句、称数法、“几”和“多少”、数量词组	复习第十四课 预习生词、语法	补充练习
4	第十六课 你常去图书馆吗	一、生词 二、语法：时间词语作状语、“还是”和“或者”	预习生词、语法、课文	

5	第十六课 你常去图书馆吗	一、 课文 二、 练习	复习生词、语法	补充练习
6	第十七课 他在做什么了	一、 生词 二、 语法：动作的进行、双宾语句、询问动作行为的方式“怎么+V”	预习生词、语法	
7	第十七课 他在做什么了	一、 课文 二、 练习	复习生词、语法	补充练习
8	第十八课 我去邮局寄包裹	一、 生词 二、 语法 三、 ：连动句	预习生词、语法	
9	第十八课 我去邮局寄包裹	一、 课文 二、 练习	复习生词、语法	补充练习
10	第十九课 可以试试吗	一、 生词 二、 语法：动词重叠、“又...又”、“一点儿”和“有一点儿” 三、 课文 四、 练习	预习生词、语法	
11	第二十课 祝你生日快乐	一、 生词 二、 语法：名词谓语句、“年、月、日”、疑问语调	预习生词、语法、 课文 预习生词、语法	补充练习
12	第二十一课 我们明天七点一刻出发	一、 生词 二、 语法：时间的表达 三、 课文 四、 练习	预习生词、语法、 课文	补充练习
13	第二十二课 我打算请老师教我京剧	一、 生词 二、 语法：兼语句	预习生词、语法	
14	第二十二课 我打算请老师教我京剧	一、 课文 二、 练习	复习生词、语法	补充练习
15	第二十三课	一、 方位词 二、 存在的表达 三、 介词“离”、“从”、“往”	预习生词、语法、 课文	

7. Tiêu chí đánh giá nhiệm vụ giảng viên giao cho sinh viên:

Theo các quy định được ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Cụ thể:

- Dự lớp trên 70%.
- Có đầy đủ tài liệu học tập và tích cực tham gia, đóng góp xây dựng bài.
- Hoàn thành tất cả các bài tập mà giảng viên đưa ra

8. Hình thức kiểm tra, đánh giá môn học:

- Thi vấn đáp

9. Các loại điểm kiểm tra và trọng số của từng loại điểm:

- Kiểm tra trong năm học: kiểm tra 2-3 lần trên lớp lấy 2-3 đầu điểm
- Thi hết môn: thi vấn đáp

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
 - + projector
 - + Đài cassette
- Yêu cầu đối với sinh viên (sự tham gia học tập trên lớp, quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà,...):
 - + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
 - + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
 - + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Chủ nhiệm Bộ môn

Người viết đề cương chi tiết

Th.s Trần Thị Ngọc Liên

Lê Thị Thu Hoài